

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định giảng dạy tiếng Anh và chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên bậc đại học hệ chính quy chương trình đào tạo tiêu chuẩn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

Căn cứ Quyết định số 71/TTg ngày 27/1/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHDL Văn Lang; Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình Trường Đại học Văn Lang;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021, ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021, quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào mục tiêu chiến lược và yêu cầu thực tiễn của Nhà trường về nâng cao năng lực tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Văn Lang;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Viện ngôn ngữ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo tiếng Anh và chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên bậc đại học hệ chính quy chương trình đào tạo tiêu chuẩn các ngành không chuyên ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Văn Lang, ngoại trừ một số ngành đặc thù được phép không thiết kế học tiếng Anh trong chương trình đào tạo.

Điều 2. Quy định này áp dụng từ năm học 2021 – 2022 trở đi đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2020 (khóa 26), thay thế Quyết định 230/QĐ-ĐHVL-ĐT ngày 24/02/2021 của Hiệu trưởng và các văn bản khác trái với Quy định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các Ông, Bà Trường các đơn vị: Khoa, Viện, phòng Đào tạo, phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trung tâm khảo thí, phòng Hành chính & Quản trị nguồn nhân lực và các đơn vị, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT (để báo cáo);
- Các PHT (để theo dõi)
- Như Điều 3;
- Lưu: P.ĐT, P.HC&QTNNL.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TIẾNG ANH VÀ CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH ĐỐI VỚI SINH VIÊN BẠC ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY CTĐT TIÊU CHUẨN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1171/QĐ-ĐHVLT-ĐT ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này bao gồm các nội dung về tổ chức đào tạo tiếng Anh và chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên bậc đại học hệ chính quy chương trình đào tạo tiêu chuẩn các ngành không chuyên ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Văn Lang.
2. Quy định này không áp dụng đối với ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác được phép không thiết kế học tiếng Anh trong chương trình đào tạo.
3. Quy định này áp dụng từ năm học 2021 - 2022 trở đi đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2020 (khóa 26); và đối với sinh viên các khóa trước chuyển khóa xuống học với khóa 26 trở đi.

Điều 2. Mục đích

1. Thống nhất chương trình giảng dạy và công tác tổ chức giảng dạy chương trình Anh văn tổng quát trong tất cả các ngành đào tạo có yêu cầu thiết kế giảng dạy Anh văn tổng quát, nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo để đạt chuẩn đầu ra của các ngành.
2. Nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh cho sinh viên toàn trường, Nhà trường thiết kế chương trình giảng dạy Anh văn tổng quát với sự tư vấn của các chuyên gia uy tín và bắt buộc các ngành có thiết kế giảng dạy Anh văn tổng quát áp dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ, từ viết tắt

1. Chương trình Anh văn tổng quát (viết tắt là AVTQ): là chương trình giảng dạy tiếng Anh dành cho sinh viên bậc đại học các ngành không chuyên Ngôn ngữ Anh. Chương trình AVTQ do Viện Ngôn ngữ thuộc Trường Đại học Văn Lang thiết kế và chủ trì giảng dạy theo chương trình và giáo trình được Hiệu trưởng phê duyệt. Chương trình Anh văn tổng quát rèn luyện đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết và thiên về Anh văn học thuật (Academic English).
2. Giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành bằng tiếng Anh: để hỗ trợ sinh viên sử dụng được các thuật ngữ chuyên môn bằng tiếng Anh, Nhà trường khuyến khích các ngành giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành/chuyên sâu bằng tiếng Anh, nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh chuyên môn cho sinh viên để đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu chuyên môn của ngành;

3. Chuẩn đầu ra tiếng Anh của sinh viên khi ra Trường: là năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo của ngành, bao gồm kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên môn theo quy định của Trường.

4. Điều kiện tiên quyết của một học phần là sinh viên phải có điểm đạt của học phần tiên quyết thì mới được đăng ký học học phần tiếp theo. Sinh viên chưa đạt học phần tiên quyết thì phải đăng ký học lại cho đến khi đạt.

5. Anh văn tổng quát được viết tắt là AVTQ; chương trình đào tạo được viết tắt là CTĐT; chương trình đào tạo tiêu chuẩn được viết tắt là CTĐTTC; chương trình đào tạo đặc biệt được viết tắt là CTĐTĐB.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH, KHỐI LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY AVTQ

Điều 4. Quy định về chương trình và khối lượng giảng dạy AVTQ

1. Chương trình AVTQ gồm 8 học phần, được mã hóa từ AV0 đến AV7, mỗi học phần 3 tín chỉ; học phần AV0 không tích lũy vào CTĐT (không tính điểm bình quân tích lũy), các học phần từ AV1 đến AV7 được tích lũy vào CTĐT. Tên học phần, số tín chỉ, số tiết của từng học phần AVTQ như sau:

TT	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết thiết kế
0	Anh văn 0 (AV0)	Academic English 0	3	60
1	Anh văn 1 (AV1)	Academic English 1	3	60
2	Anh văn 2 (AV2)	Academic English 2	3	60
3	Anh văn 3 (AV3)	Academic English 3	3	60
4	Anh văn 4 (AV4)	Academic English 4	3	60
5	Anh văn 5 (AV5)	Academic English 5	3	60
6	Anh văn 6 (AV6)	Academic English 6	3	60
7	Anh văn 7 (AV7)	Academic English 7	3	90
Tổng			24	510

3. Học phần AV0 là học phần Anh văn dự bị không tích lũy vào CTĐT, giảng dạy cho sinh viên chưa đủ điều kiện vào học AV1. Nhà trường không thu học phí đối với học phần AV0.

Điều 5. Quy định tổ chức giảng dạy các học phần AVTQ

- Sĩ số mỗi Lớp học phần của các học phần AVTQ tối đa là 35 sinh viên.
- Các học phần AVTQ là các học phần chung, sinh viên giữa các ngành, các khóa có thể đăng ký học chung với nhau trong các lớp học phần của từng cấp độ.

3. Các học phần AVTQ từ AV2 đến AV7 đều được ràng buộc điều kiện tiên quyết theo thứ tự như bảng sau:

TT	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Điều kiện tiên quyết
1	Anh văn 1 (AV1)	Academic English 1	không
2	Anh văn 2 (AV2)	Academic English 2	AV1
3	Anh văn 3 (AV3)	Academic English 3	AV2
4	Anh văn 4 (AV4)	Academic English 4	AV3
5	Anh văn 5 (AV5)	Academic English 5	AV4
6	Anh văn 6 (AV6)	Academic English 6	AV5
7	Anh văn 7 (AV7)	Academic English 7	AV6

4. Chương trình AVTQ được thiết kế giảng dạy theo lộ trình chung của Trường. Sinh viên chỉ được hoãn đăng ký học các học phần AVTQ **không quá 2 học kỳ liên tiếp**, ngoại trừ sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh đủ điều kiện được miễn một số hoặc toàn bộ các học phần AVTQ (đã đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy định) như quy định tại khoản 3 Điều 11 của Quy định này.

5. Khi sinh viên đã không đăng ký 2 học kỳ liên tiếp, nếu học kỳ tiếp theo sinh viên vẫn chưa đăng ký học các học phần AVTQ, trên hệ thống của học kỳ đó sẽ thể hiện sinh viên nợ học phí và nợ học phần AVTQ bắt đầu từ học phần tính theo lộ trình sinh viên phải học, ngoại trừ sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh đủ điều kiện được miễn học và được chuyển điểm.

6. Các trường hợp sinh viên được miễn học AVTQ được quy định tại Điều 11 của Quy định này.

7. Viện Ngôn ngữ chịu trách nhiệm tổ chức công tác giảng dạy: phân công giảng viên; ra đề thi, kiểm tra; tổ chức đánh giá; kiểm soát chất lượng chuyên môn đối với các học phần AVTQ.

Điều 6. Quy định thang điểm và đánh giá các học phần AVTQ

1. Các học phần AVTQ (từ AV1 đến AV7) được công nhận là “đạt” khi có điểm bình quân tổng hợp đến cuối kỳ của học phần **từ 5.0 điểm trở lên** (theo thang điểm 10).

2. Học phần AV0 (học phần không tích lũy vào CTĐT) vẫn được đánh giá vào cuối học kỳ với thang điểm “đạt” hoặc “chưa đạt” và được gán vào hệ thống. Sinh viên thi chưa đạt học phần AV0 vẫn được đăng ký học tiếp AV1. Nếu sinh viên đạt AV1 thì được xem là đạt học phần AV0.

3. Nếu kết quả học tập từng học phần AVTQ (từ AV1 đến AV7) của từng học kỳ chưa đạt, sinh viên phải học lại cho đến khi đạt mới được đăng ký học các học phần AVTQ tiếp theo. Sinh viên phải đóng học phí học lại đối với các học phần này.

4. Viện Ngôn ngữ chủ trì thiết kế đề cương chi tiết (ĐCCT) các học phần AVTQ theo mẫu chung của Trường. Nội dung, phương pháp và công cụ đánh giá phải được quy định cụ thể trong ĐCCT theo từng năm, phù hợp với đặc thù của chương trình AVTQ.

5. Công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các học phần AVTQ theo Quy chế đào tạo của Trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Quy định về giáo trình AVTQ

1. Giáo trình giảng dạy AVTQ cho từng khóa học do Viện Ngôn ngữ đề xuất và được Hiệu trưởng phê duyệt. Giáo trình được phê duyệt phải có trong Thư viện của Trường để sinh viên tham khảo.

2. Sinh viên phải mua giáo trình gốc để học tập (giáo trình có mã số ISBN). Giáo trình gốc do Trường phối hợp với nhà xuất bản để cung cấp cho sinh viên.

Điều 8. Quy định về chuyển chương trình đào tạo

Nếu sinh viên chuyển đổi giữa CTĐTĐB và CTĐTTC, các học phần AVTQ giữa 2 chương trình sẽ được công nhận tương đương và được chuyển điểm, cụ thể xem **Phụ lục 05**.

Chương III

QUY ĐỊNH KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU KHÓA VÀ XẾP LỚP ANH VĂN THEO TỪNG CẤP ĐỘ

Điều 9. Kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu khóa

1. Tất cả sinh viên mới nhập học năm thứ nhất (tân sinh viên) **bắt buộc** phải tham gia kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào (đầu khóa). Ngoại trừ trường hợp sinh viên được miễn tham gia kiểm tra tiếng Anh đầu khóa theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Quy định này. Những sinh viên vắng thi kiểm tra Anh văn đầu vào sẽ không được xếp lớp vào học chương trình AVTQ.

2. Trong trường hợp bất khả kháng sinh viên chưa thể tham gia thi kiểm tra Anh văn đầu vào ở thời điểm nhập học, sinh viên làm đơn trình bày lý do chính đáng kèm minh chứng và chuyển về Phòng Đào tạo để được hoãn thi. Sinh viên có thể gửi đơn qua cổng hành chính 1 cửa online (VHUB) để hoàn thành thủ tục. Trong năm học đầu tiên, ở thời điểm thuận lợi, Nhà trường sẽ tổ chức thêm một kỳ thi kiểm tra Anh văn đầu vào dành cho đối tượng này.

3. Sau 2 học kỳ liên tiếp sinh viên vẫn không tham gia thi kiểm tra Anh văn đầu vào để xếp lớp, sinh viên sẽ bị áp dụng khoản 5 Điều 5 của Quy định này. Ngoại trừ sinh viên có các chứng chỉ tiếng Anh đủ điều kiện được miễn như quy định tại khoản 3 Điều 11 của Quy định này.

4. Tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu khóa có thể được thực hiện bằng hình thức thi trên giấy, trên máy tính, hoặc trực tuyến (online). Trung tâm Khảo thí chủ trì và phối

hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức kỳ thi kiểm tra Anh văn đầu vào và đề xuất hình thức thi trình Hiệu trưởng phê duyệt.

5. Sinh viên từ khóa 25 trở về trước (khóa tuyển sinh năm 2019), nếu chuyển xuống các khóa sau phải theo chương trình đào tạo AVTQ của các khóa sau (khóa 26, khóa tuyển sinh năm 2020 trở đi). Khi chuyển khóa, sinh viên phải làm bài kiểm tra đánh giá lại trình độ tiếng Anh để được xếp vào lớp có trình độ phù hợp. Sinh viên sẽ được quy đổi điểm đối với các học phần được công nhận là đạt trong từng trường hợp cụ thể.

6. Viện Ngôn ngữ chịu trách nhiệm thiết kế nội dung bài thi kiểm tra Anh văn đầu vào. Tùy cấu trúc bài thi từng năm, Viện Ngôn ngữ đề xuất thang điểm, mức điểm được miễn cho các học phần AVTQ tương ứng, cũng như nguyên tắc xếp lớp phù hợp với thực tiễn của Trường.

Điều 10. Xếp lớp theo trình độ dựa vào kết quả kiểm tra Anh văn đầu vào

1. Căn cứ kết quả kiểm tra trình độ Anh văn đầu vào, Viện Ngôn ngữ đề xuất thang điểm và nguyên tắc xếp lớp theo trình độ để sinh viên đăng ký vào các Lớp học phần phù hợp từng trình độ.

2. Trường hợp kết quả kiểm tra Anh văn đầu vào của sinh viên không đủ điều kiện để xếp vào học từ trình độ AV1, sinh viên được xếp vào lớp Anh văn dự bị (AV0).

3. Đối với sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh đủ điều kiện được miễn thi kiểm tra Anh văn đầu vào và tùy vào mức điểm của các chứng chỉ sinh viên được xếp vào lớp có trình độ phù hợp. Sinh viên được quy đổi điểm và chuyển điểm cho các học phần được miễn học.

Chương IV

QUY ĐỊNH MIỄN THI KIỂM TRA ANH VĂN ĐẦU VÀO VÀ MIỄN HỌC CÁC HỌC PHẦN AVTQ

Điều 11. Quy định miễn kiểm tra tiếng Anh đầu vào, miễn học AVTQ và quy đổi điểm

1. Đối với sinh viên năm nhất mới nhập học, để được miễn kiểm tra Anh văn đầu vào, sinh viên phải có chứng chỉ tiếng Anh đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 của Điều này. Trước ngày thi kiểm tra Anh đầu vào ít nhất 3 ngày làm việc, sinh viên chứng thực chứng chỉ tiếng Anh đủ điều kiện được miễn nộp về Phòng Đào tạo (có thể gửi trực tuyến qua cổng hành chính một cửa VHUB) để hoàn thành thủ tục miễn thi.

2. Sinh viên có kết quả điểm kiểm tra Anh văn đầu vào đủ điều kiện theo quy định được miễn học các học phần Anh văn tương ứng, sinh viên được quy đổi điểm cho các học phần được miễn tương ứng.

3. Sinh viên có các chứng chỉ tiếng Anh đạt yêu cầu sẽ được miễn học các học phần AVTQ và được chuyển điểm. Các loại chứng chỉ được công nhận gồm: IELTS, TOEFL iBT, TOEIC (4 kỹ năng) và VSTEP (chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực 6 bậc của Việt Nam). Các chứng chỉ đủ điều kiện được miễn và chuyển điểm phải **còn thời hạn sử**

dụng tại thời điểm chuyển điểm. Mức điểm được miễn và quy đổi điểm được quy định trong các **Phụ lục 01, 02, 03, 04** của Quy định này. Sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh đủ điều kiện được miễn các học phần AVTQ ngay từ lúc nhập học đương nhiên được miễn kiểm tra Anh văn đầu vào.

4. Trước 2 (hai) tuần khi học kỳ bắt đầu, nếu sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh đủ điều kiện được chuyển điểm, sinh viên chứng thực chứng chỉ tiếng Anh nộp về Phòng Đào tạo (có thể gửi trực tuyến qua cổng hành chính một cửa VHUB) để làm thủ tục miễn học và chuyển điểm các học phần AVTQ.

5. Tùy vào mức điểm của các chứng chỉ, đối chiếu với các Phụ lục trong Quy định này, sinh viên được quy đổi điểm cho nhiều học phần AVTQ (nếu có). Phòng Đào tạo sẽ chuyển phiếu điểm đã quy đổi về Trung tâm Khảo thí để nhập điểm vào hệ thống cho sinh viên.

6. Sinh viên được miễn các học phần AVTQ sẽ không đóng học phí đối với học phần được miễn.

7. Trong trường hợp sinh viên đủ điều kiện được miễn học AVTQ nhưng vẫn muốn đăng ký học chương trình AVTQ của Trường thì đóng học phí cho học phần đó. Sinh viên được quyết định lấy kết quả nào có lợi (điểm quy đổi từ chứng chỉ tiếng Anh hay điểm học tập của học phần AVTQ trong học kỳ) để tính điểm tổng kết cuối kỳ cho các học phần AVTQ.

Chương V

QUY ĐỊNH VÀ CÔNG NHẬN CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Điều 12. Công nhận chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên tốt nghiệp

1. Tất cả các ngành đào tạo không chuyên Ngôn ngữ Anh thống nhất chuẩn đầu ra tiếng Anh khi sinh viên tốt nghiệp tối thiểu là **bậc 4/6** theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (B2, tương đương IELTS 6.0).

2. Các Khoa, Viện có thể quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với từng ngành cao hơn quy định tại khoản 1 Điều này và công bố rõ trong Bản mô tả CTĐT.

3. Sinh viên được công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy định tại khoản 1 Điều này khi có kết quả đạt trong kỳ thi **đánh giá năng lực tiếng Anh đầu ra** do Trường Đại học Văn Lang tổ chức, hoặc có một trong các **chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc Việt Nam** với mức điểm tối thiểu như sau:

CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL iBT	VSTEP
B2	6.0	785 (R&L) - 310 (S&W)	60	B2

4. Sinh viên được công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy định ở Khoản 1 của Điều này mới được nhận Bằng tốt nghiệp.

Điều 13: Tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu ra

1. Trường tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu ra cho sinh viên trước khi ra trường. Sinh viên phải có kết quả đạt 7 học phần AVTQ (từ AV1 đến AV7), kể cả các học phần được chuyển điểm, mới được tham dự kỳ thi này.

2. Sinh viên đã có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc Việt Nam đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy định tại Điều 12 của Quy định này thì không cần tham dự kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu ra.

3. Nội dung và hình thức bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu ra được thiết kế đầy đủ 4 kỹ năng, dùng để đánh giá năng lực tiếng Anh của sinh viên sắp tốt nghiệp. Sinh viên được công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh khi có kết quả điểm bài thi từ **5.0 điểm** trở lên (theo thang điểm 10).

4. Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu ra được tổ chức vào năm cuối của khóa học, số lần tổ chức tùy vào điều kiện thực tế của Trường trong năm học đó. Sinh viên được thi miễn phí 1 lần, nếu chưa đạt trong kỳ thi lần 1, sinh viên thi lại và nộp lệ phí thi lại theo quy định của Trường (nếu có nhu cầu).

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Đối với các đơn vị liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức, vận hành chương trình AVTQ, như: Viện Ngôn ngữ, Trung tâm Khảo thí, Phòng Đào tạo, Phòng Công nghệ thông tin, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ như quy định trong nội dung ở các Điều của Quy định này; và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Hiệu trưởng tại mỗi thời điểm

2. Đối với các Khoa, Viện: tổ chức phổ biến Quy định này đến đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; đặc biệt là đội ngũ cố vấn học tập nắm rõ nội dung các quy định để tư vấn cho sinh viên thực hiện đúng Quy định này.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu

Phụ lục 01: Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS

IELTS	Quy đổi tương ứng theo thang điểm 10						
	AV1	AV2	AV3	AV4	AV5	AV6	AV7
3.5	8.0	8.0					
4.0	9.0	9.0	8.0				
4.5	10	10	9.0	8.0			
5.0	10	10	10	9.0	8.0		
5.5	10	10	10	10	9.0	8.0	
6.0	10	10	10	10	10	9.0	8.0
6.5	10	10	10	10	10	10	9.0
7.0	10	10	10	10	10	10	10

Phụ lục 02: Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEFL iBT

TOEFL	IELTS	Quy đổi tương ứng theo thang điểm 10						
		AV1	AV2	AV3	AV4	AV5	AV6	AV7
25	3.5	8.0	8.0					
26		8.0	8.0					
27		8.0	8.0					
28	4.0	9.0	9.0	8.0				
29		9.0	9.0	8.0				
30		9.0	9.0	8.0				
31		9.0	9.0	8.0				
32	4.5	10	10	9.0	8.0			
33		10	10	9.0	8.0			
34		10	10	9.0	8.0			
35	5.0	10	10	10	9.0	8.0		
36		10	10	10	9.0	8.0		
37		10	10	10	9.0	8.0		
38		10	10	10	9.0	8.0		
39		10	10	10	9.0	8.0		
40		10	10	10	9.0	8.0		
41		10	10	10	9.0	8.0		
42		10	10	10	9.0	8.0		
43		10	10	10	9.0	8.0		
44		10	10	10	9.0	8.0		
45		10	10	10	9.0	8.0		
46	5.5	10	10	10	10	9.0	8.0	
47		10	10	10	10	9.0	8.0	
48		10	10	10	10	9.0	8.0	
49		10	10	10	10	9.0	8.0	

TOEFL	IELTS	Quy đổi tương ứng theo thang điểm 10						
		AV1	AV2	AV3	AV4	AV5	AV6	AV7
50		10	10	10	10	9.0	8.0	
51		10	10	10	10	9.0	8.0	
52		10	10	10	10	9.0	8.0	
53		10	10	10	10	9.0	8.0	
54		10	10	10	10	9.0	8.0	
55		10	10	10	10	9.0	8.0	
56		10	10	10	10	9.0	8.0	
57		10	10	10	10	9.0	8.0	
58		10	10	10	10	9.0	8.0	
59		10	10	10	10	9.0	8.0	
60	6.0	10	10	10	10	10	9.0	8.0
61		10	10	10	10	10	9.0	8.0
62		10	10	10	10	10	9.0	8.0
63		10	10	10	10	10	9.0	8.0
64		10	10	10	10	10	9.0	8.0
65		10	10	10	10	10	9.0	8.0
66		10	10	10	10	10	9.0	8.0
67		10	10	10	10	10	9.0	8.0
68		10	10	10	10	10	9.0	8.0
69		10	10	10	10	10	9.0	8.0
70		10	10	10	10	10	9.0	8.0
71		10	10	10	10	10	9.0	8.0
72		10	10	10	10	10	9.0	8.0
73		10	10	10	10	10	9.0	8.0
74		10	10	10	10	10	9.0	8.0
75		10	10	10	10	10	9.0	8.0
76		10	10	10	10	10	9.0	8.0
77		10	10	10	10	10	9.0	8.0
78		10	10	10	10	10	9.0	8.0
79	6.5	10	10	10	10	10	10	9.0
80		10	10	10	10	10	10	9.0
81		10	10	10	10	10	10	9.0
82		10	10	10	10	10	10	9.0
83		10	10	10	10	10	10	9.0
84		10	10	10	10	10	10	9.0
85		10	10	10	10	10	10	9.0
86		10	10	10	10	10	10	9.0
87		10	10	10	10	10	10	9.0
88		10	10	10	10	10	10	9.0

TOEFL	IELTS	Quy đổi tương ứng theo thang điểm 10						
		AV1	AV2	AV3	AV4	AV5	AV6	AV7
89		10	10	10	10	10	10	9.0
90		10	10	10	10	10	10	9.0
91		10	10	10	10	10	10	9.0
92		10	10	10	10	10	10	9.0
93		10	10	10	10	10	10	9.0
94	7.0	10	10	10	10	10	10	10

Phụ lục 03: Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC

Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC phải đầy đủ 4 kỹ năng. Cả 4 kỹ năng phải đạt yêu cầu theo thang quy đổi để được xét quy đổi điểm phù hợp (không chế bởi cột điểm thấp hơn)

TOEIC (R&L)	TOEIC (S&W)	Quy đổi tương ứng theo thang điểm 10						
		AV1	AV2	AV3	AV4	AV5	AV6	AV7
300	160	8.0	8.0					
333	173	8.0	8.0					
366	186	8.0	8.0					
400	200	9.0	9.0	8.0				
438	210	9.0	9.0	8.0				
476	220	9.0	9.0	8.0				
514	230	9.0	9.0	8.0				
550	240	10	10	9.0	8.0			
558	242	10	10	9.0	8.0			
566	244	10	10	9.0	8.0			
574	246	10	10	10	9.0	8.0		
582	248	10	10	10	9.0	8.0		
590	250	10	10	10	9.0	8.0		
598	252	10	10	10	9.0	8.0		
606	254	10	10	10	9.0	8.0		
614	256	10	10	10	9.0	8.0		
622	258	10	10	10	9.0	8.0		
630	260	10	10	10	9.0	8.0		
638	262	10	10	10	9.0	8.0		
646	264	10	10	10	9.0	8.0		
654	266	10	10	10	9.0	8.0		
662	268	10	10	10	10	9.0	8.0	
670	270	10	10	10	10	9.0	8.0	
678	272	10	10	10	10	9.0	8.0	
686	274	10	10	10	10	9.0	8.0	

TOEIC (R&L)	TOEIC (S&W)	Quy đổi tương ứng theo thang điểm 10						
		AV1	AV2	AV3	AV4	AV5	AV6	AV7
694	276	10	10	10	10	9.0	8.0	
702	278	10	10	10	10	9.0	8.0	
710	280	10	10	10	10	9.0	8.0	
718	282	10	10	10	10	9.0	8.0	
726	284	10	10	10	10	9.0	8.0	
734	286	10	10	10	10	9.0	8.0	
745	288	10	10	10	10	9.0	8.0	
756	290	10	10	10	10	9.0	8.0	
767	293	10	10	10	10	9.0	8.0	
778	296	10	10	10	10	9.0	8.0	
785	310	10	10	10	10	10	9.0	8.0
794	313	10	10	10	10	10	9.0	8.0
803	316	10	10	10	10	10	9.0	8.0
812	319	10	10	10	10	10	9.0	8.0
821	322	10	10	10	10	10	9.0	8.0
830	325	10	10	10	10	10	9.0	8.0
839	328	10	10	10	10	10	9.0	8.0
848	331	10	10	10	10	10	9.0	8.0
857	334	10	10	10	10	10	9.0	8.0
866	337	10	10	10	10	10	9.0	8.0
875	340	10	10	10	10	10	10	9.0
884	343	10	10	10	10	10	10	9.0
893	346	10	10	10	10	10	10	9.0
902	349	10	10	10	10	10	10	9.0
911	352	10	10	10	10	10	10	9.0
920	355	10	10	10	10	10	10	9.0
929	358	10	10	10	10	10	10	9.0
938	361	10	10	10	10	10	10	9.0
947	364	10	10	10	10	10	10	9.0
950	367	10	10	10	10	10	10	10

Phụ lục 04: Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh VSTEP (Việt Nam)

VSTEP	IELTS	Quy đổi tương ứng theo thang điểm 10						
		AV1	AV2	AV3	AV4	AV5	AV6	AV7
A2	3.5	8.0	8.0					
B1	4.5	10	10	9.0	8.0			
B2	6.0	10	10	10	10	10	9.0	8.0
C1	7.0	10	10	10	10	10	10	10

Phụ lục 05: Bảng công nhận tương đương giữa CTĐTTC và CTĐTĐB

Phụ lục 05.1: Khóa 26 (Khóa tuyển sinh 2020) - chuyển từ CTĐTĐB sang CTĐTTC

AVĐB	AVTC	Hướng giải quyết
AVĐB 1	AVTC 1	Chuyên điểm ngang
AVĐB 2	AVTC 2	Chuyên điểm ngang
AVĐB 3	AVTC 3	Chuyên điểm ngang
AVĐB 4	AVTC 4	Chuyên điểm ngang
AVĐB 5	AVTC 5	Học lại AVTC 5
AVĐB 6	AVTC 5	Chuyên điểm ngang
AVĐB 7	AVTC 6	Học lại AVTC 6
AVĐB 8	AVTC 6	Chuyên điểm ngang
AVĐB 9	AVTC 7	Học lại AVTC 7
AVĐB 10	AVTC 7	Chuyên điểm ngang

Phụ lục 05.2: Khóa 26 (Khóa tuyển sinh 2020) - chuyển từ CTĐTTC sang CTĐTĐB

AVTC	AVĐB	Hướng giải quyết
AVTC 1	AVĐB 1	Chuyên điểm ngang
AVTC 2	AVĐB 2	Chuyên điểm ngang
AVTC 3	AVĐB 3	Chuyên điểm ngang
AVTC 4	AVĐB 4	Chuyên điểm ngang
AVTC 5	AVĐB 5 & 6	Chuyên điểm ngang
AVTC 6	AVĐB 7 & 8	Chuyên điểm ngang
AVTC 7	AVĐB 9 & 10	Chuyên điểm ngang

Phụ lục 05.3: Từ khóa 27 trở đi (Khóa tuyển sinh 2021) - chuyển giữa CTĐTĐB và CTĐTTC

AVĐB	AVTC	Hướng giải quyết
AVĐB 1	AVTC 1	Chuyên điểm ngang
AVĐB 2	AVTC 2	Chuyên điểm ngang
AVĐB 3	AVTC 3	Chuyên điểm ngang
AVĐB 4	AVTC 4	Chuyên điểm ngang
AVĐB 5	AVTC 5	Chuyên điểm ngang
AVĐB 6	AVTC 6	Chuyên điểm ngang
AVĐB 7	AVTC 7	Chuyên điểm ngang